

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 16-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Tuấn và ông Thùng Văn Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Chiến, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Thào A S, sinh năm 1978 tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Thào A T, sinh năm 1940.

Con bà: Giàng Thị M, sinh năm 1941.

Bị cáo có vợ Hàng Thị Sáng, sinh năm 1979 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án xét xử đã được xóa án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2020, tạm giam ngày 08/7/2020, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Thào A T sinh năm 1940, địa chỉ Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, (xin xét xử vắng mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Thào A S:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 02/7/2020, trên đường đi làm thuê ở bản N, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo Thào A S mua được 20.000 đồng Heroine của một người đàn ông bị cáo không rõ lai lịch. Mua được Heroine, bị cáo cho vào túi quần bên phải đang mặc trên người rồi đi đến nhà ông Mùa A Sáu ở bản N, xã C để làm thuê. Khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi nghỉ làm, bị cáo cho gói Heroine vào miệng ngậm rồi mượn xăng của ông Sáu đổ vào xe máy đi về nhà.

Hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đi về đến cuối bản N, xã C, huyện N thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng S và Công an huyện N làm nhiệm vụ kiểm tra. Sau khi vận động, Thào A S đã lấy từ trong miệng ra một gói nhỏ được gói bằng ni lông màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng đục nghi là Heroine. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 56/CT-VKS-NP ngày 16/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Thào A S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Thào A S từ 15 đến 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy cho ông Thào A T, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 19 giờ 00 phút ngày 02/7/2020 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Thào A S bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Đoàn Biên phòng S phối hợp với Công an huyện N đã tạm giữ của bị cáo một gói ni lông màu trắng, mở bên trong có chứa chất bột dạng nén màu trắng đục nghi là Heroine; một xe mô tô dạng xe Win không có giấy đăng ký xe, không có biển kiểm soát.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 10 giờ 30 phút ngày 30/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 21, 22 khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Thào A S là 0,19 gam nghi Heroine, gửi toàn bộ đi giám định.

Kết luận giám định số 669/GĐ-PC09 ngày 12/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 26 đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong vật chứng thu giữ của Thào A S gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA danh mục I Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Thào A S có tội. Bị cáo đi mua ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thào A S có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội: Khối lượng ma túy bị thu giữ của Thào A S là 0,19 gam Heroine. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo sinh ra và lớn lên ở huyện T, tỉnh Điện Biên. Năm 1980, bị cáo làm ăn, sinh sống cùng gia đình ở bản M, xã P, huyện N. Năm 2000, bị cáo cùng gia đình di cư về bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Ngày 21/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các nghĩa vụ khác vào ngày 29/4/2014. Đến ngày 02/7/2020 bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của

Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân xấu của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 50 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy cho ông Thảo A T, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Thảo A S.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là 0,19 gam Heroine đã gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại mẫu vật. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH màu sơn đen - bạc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ của bị cáo. Xe đã cũ, đã qua sử dụng không có đăng ký, không có biển kiểm soát. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Thảo A T là bố đẻ của bị cáo. Ông Trịnh không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo do vậy Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe mô tô cho ông Thảo A T theo quy định tại khoản 2 Điều

47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Thào A S** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Thào A S 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 02/7/2020.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông **Thào A T**, sinh năm 1940, địa chỉ bản **H**, xã **C**, huyện **N**, tỉnh Điện Biên một xe máy nhãn hiệu **DETECH** có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 phút ngày 16/10/2020 giữa Công an huyện **N** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện **N**.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo **Thào A S** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/11/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân